

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ  
VIỆT NAM**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014**

---

Hà Nội, tháng 08 năm 2014

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KẾT QUẢ SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	7 - 20

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### Hội đồng quản trị

Ông Văn Xuân Anh	Chủ tịch
Ông Nguyễn Đình Thi	Thành viên
Ông Nguyễn Chơn Hùng	Thành viên
Ông Phùng Văn Đức	Thành viên
Ông Trần Anh Thái	Thành viên

#### Ban Giám đốc

Ông Văn Xuân Anh	Giám đốc
Ông Ngô Vũ An	Phó Giám đốc
Ông Trần Hữu Lập	Phó Giám đốc

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty giữa niên độ, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Văn Xuân Anh  
Giám đốc

Hà Nội, ngày 11 tháng 08 năm 2014

Số: 330/VACO/BCKT.NV2

**BÁO CÁO KẾT QUẢ SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi:** Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt Nam

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty Cổ phần Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 11/08/2014, từ trang 03 đến trang 20, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (gọi chung là "báo cáo tài chính giữa niên độ").

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 về công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Như đã trình bày trong phần thuyết minh số 05 phần thuyết minh báo cáo tài chính, tại ngày 30/06/2014, số dư các khoản doanh thu theo tiến độ kế hoạch của công trình Nậm Pàn ghi nhận từ năm 2010 căn cứ theo bảng xác nhận khối lượng hoàn thành do Công ty tự xác định khoảng 4,89 tỷ đồng (giá vốn tương ứng đã ghi nhận khoảng 2,62 tỷ đồng) đến nay chưa được thanh toán. Công ty sẽ xem xét việc trích lập dự phòng cho khoản phải thu này trong thời gian tới nếu không tiến hành nghiệm thu chính thức được với chủ đầu tư.



**Nguyễn Đức Tiến**  
Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy CN-ĐKHN Kiểm toán 0517-2013-156-1



**Chử Mạnh Hoan**  
Kiểm toán viên  
Số Giấy CN-ĐKHN Kiểm toán 1403-2013-156-1

*Thay mặt và đại diện cho*  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO**  
Hà Nội, ngày 11 tháng 08 năm 2014

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014

MẪU B 01a-DN  
Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2014	01/01/2014
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130+140+150)</b>	<b>100</b>		<b>32.358.091.874</b>	<b>31.375.050.055</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>120.562.534</b>	<b>1.691.939.576</b>
1. Tiền	111		120.562.534	1.691.939.576
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>22.723.764.685</b>	<b>20.532.805.235</b>
1. Phải thu khách hàng	131		3.957.950.016	3.586.775.511
2. Trả trước cho người bán	132		1.683.280.547	2.097.609.025
3. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134	5	16.022.975.593	14.830.014.650
4. Các khoản phải thu khác	135	6	1.059.558.529	18.406.049
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>7</b>	<b>8.571.153.795</b>	<b>8.439.951.676</b>
1. Hàng tồn kho	141		8.571.153.795	8.439.951.676
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>942.610.860</b>	<b>710.353.568</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		63.837.971	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		7.803.794	-
3. Thuế và các khoản phải thu của Nhà nước	154		23.382.820	38.468.712
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	8	847.586.275	671.884.856
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 220 + 260)</b>	<b>200</b>		<b>1.126.061.533</b>	<b>1.215.169.731</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>1.002.758.717</b>	<b>1.093.918.596</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	1.002.758.717	1.093.918.596
- Nguyên giá	222		3.125.418.450	3.125.418.450
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.122.659.733)	(2.031.499.854)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		67.000.000	67.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(67.000.000)	(67.000.000)
<b>II. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>123.302.816</b>	<b>121.251.135</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		123.302.816	121.251.135
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>33.484.153.407</b>	<b>32.590.219.786</b>

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)  
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014

MẪU B 01a-DN  
Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2014	01/01/2014
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310)</b>	<b>300</b>		<b>17.995.944.671</b>	<b>16.661.285.996</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>17.995.944.671</b>	<b>16.661.285.996</b>
1. Phải trả người bán	312		1.824.960.951	2.193.722.822
2. Người mua trả tiền trước	313		6.825.798.482	4.961.827.144
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314		-	267.334.253
4. Phải trả người lao động	315		-	674.358.849
5. Chi phí phải trả	316	10	7.586.104.979	7.103.060.341
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	11	1.759.080.259	1.436.171.812
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		-	24.810.775
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>15.488.208.736</b>	<b>15.928.933.790</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>12</b>	<b>15.488.208.736</b>	<b>15.928.933.790</b>
1. Vốn điều lệ	411		20.000.000.000	20.000.000.000
2. Quỹ dự phòng tài chính	418		146.866.588	146.866.588
3. Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế chưa phân phối	420		(4.658.657.852)	(4.217.932.798)
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>33.484.153.407</b>	<b>32.590.219.786</b>

Nguyễn Thu Hiền  
Người lập biểu

Nguyễn Thị Vân Dung  
Kế toán trưởng



Văn Xuân Anh  
Giám đốc

Hà Nội, ngày 11 tháng 08 năm 2014

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

MẪU B 02a-DN  
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013
1. Doanh thu cung cấp dịch vụ	01		3.115.227.741	4.276.517.673
2. Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ (10=01)	10	14	3.115.227.741	4.276.517.673
3. Giá vốn cung cấp dịch vụ	11	15	2.611.951.517	3.991.291.425
4. Lợi nhuận/(Lỗ) gộp về cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		503.276.224	285.226.248
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21		2.529.971	36.013.147
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		873.674.106	1.181.427.075
7. Lợi nhuận/(Lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+21-25)	30		(367.867.911)	(860.187.680)
8. Thu nhập khác	31		231.514.815	700.000
9. Chi phí khác	32		304.371.958	270.281.024
10. Lợi nhuận/(Lỗ) khác (40=31-32)	40		(72.857.143)	(269.581.024)
11. Tổng lợi nhuận/(Lỗ) kế toán trước thuế (50=20+30+40)	50		(440.725.054)	(1.129.768.704)
12. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	17	-	-
13. Lãi/(Lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		(440.725.054)	(1.129.768.704)
14. Lãi/(Lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	70	18	(220)	(565)

*(Handwritten signature)*

*(Handwritten signature)*



Nguyễn Thu Hiền  
Người lập biểu

Nguyễn Thị Vân Dung  
Kế toán trưởng

Văn Xuân Anh  
Giám đốc

Hà Nội, ngày 11 tháng 08 năm 2014

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

MẪU B 03a-DN  
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Lãi/(Lỗ) trước thuế	01	(440.725.054)	(1.129.768.704)
2. Điều chỉnh cho các khoản:		88.629.908	160.309.234
- Khấu hao tài sản cố định	02	91.159.879	196.322.381
- (Lãi)/Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(2.529.971)	(36.013.147)
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08	(352.095.146)	(969.459.470)
- (Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	(2.359.378.771)	(1.069.019.747)
- (Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	(131.202.119)	826.085.228
- Tăng/(Giảm) các khoản phải trả	11	1.334.658.675	(6.952.224)
- (Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	(65.889.652)	(57.879.725)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	18.019.191
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(1.573.907.013)	(1.259.206.747)
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức, lợi nhuận được chia	27	2.529.971	36.013.147
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	2.529.971	36.013.147
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30)	50	(1.571.377.042)	(1.223.193.600)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	1.691.939.576	2.509.635.048
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60)	70	120.562.534	1.286.441.448



Nguyễn Thu Hiền  
Người lập biểu



Nguyễn Thị Vân Dung  
Kế toán trưởng



Văn Xuân Anh  
Giám đốc

Hà Nội, ngày 11 tháng 08 năm 2014



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**MẪU B 09a-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102403985 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 31/10/2007 và đăng ký thay đổi lần thứ 06 ngày 17/06/2014.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 20.000.000.000 đồng.

Tổng số lao động của Công ty tại ngày 30/06/2014 là 44 người (tại ngày 31/12/2013 là 46 người).

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

- Quản lý, lập dự án đầu tư, thẩm định dự án đầu tư, lập tổng dự toán các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện, nhiệt điện, điện gió, điện địa nhiệt, điện sóng, điện mặt trời và công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị (chỉ thiết kế trong phạm vi các thiết kế đã đăng ký kinh doanh);
- Thẩm định thiết kế và tổng dự toán các công trình dân dụng, công nghiệp, thủy lợi, thủy điện, nhiệt điện, điện gió, điện địa nhiệt, điện thấp sáng, điện dùng năng lượng mặt trời, giao thông và công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị (chỉ thiết kế trong phạm vi các thiết kế đã đăng ký kinh doanh);
- Tư vấn lập hồ sơ mời thầu xây lắp, hồ sơ mời thầu thiết bị các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, thủy lợi, thủy điện, nhiệt điện, giao thông và công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị;
- Tư vấn vận hành, bảo dưỡng và nâng cấp các nhà máy điện;
- Tư vấn đầu tư; Tư vấn các dự án cơ chế phát triển sạch (CDM);
- Lập hồ sơ dự thầu, tư vấn đánh giá hồ sơ dự thầu xây lắp, hồ sơ dự thầu thiết bị các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, thủy lợi, thủy điện, nhiệt điện, giao thông và công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị;
- Thiết kế công trình thủy lợi, thủy điện;
- Thiết kế đường dây và trạm biến áp đến 220KV;
- Thiết kế nhà máy nhiệt điện (Không giới hạn công suất - theo Giấy phép hoạt động điện lực);
- Thiết kế hệ thống điện công trình dân dụng công nghiệp;
- Thiết kế công trình dân dụng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật;
- Thiết kế công trình cầu, đường bộ;
- Thiết kế cơ khí công trình thủy lợi, thủy điện;
- Thiết kế lắp đặt thiết bị điều khiển tự động công trình thủy điện;
- Thiết kế kiến trúc, thiết kế quy hoạch, nội thất công trình hạ tầng kỹ thuật;
- Thiết kế xây dựng công trình điện;
- Thiết kế xây dựng các công trình ngầm và khai thác mỏ;
- Thiết kế kết cấu công trình: dân dụng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật;
- Thiết kế công trình trên sông;
- Khảo sát, thiết kế công trình thủy lợi, hạ tầng, nông thôn: cấp thoát nước, môi trường;
- Khảo sát địa chất công trình;
- Giám sát thi công xây dựng công trình thủy lợi, thủy điện: lĩnh vực xây dựng và hoàn thiện;
- Giám sát thi công xây dựng công trình thủy lợi, thủy điện: lĩnh vực lắp đặt thiết bị, thiết bị công nghệ cơ khí công trình;
- Giám sát thi công xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật, lĩnh vực: xây dựng và hoàn thiện;
- Giám sát thi công xây dựng công trình cầu đường bộ, lĩnh vực xây dựng và hoàn thiện;
- Giám sát thi công xây dựng công trình dân dụng, lĩnh vực lắp đặt thiết bị điện;
- Giám sát thi công xây dựng công trình thủy điện, lĩnh vực lắp đặt thiết bị công nghệ điện;
- Giám sát thi công xây dựng công trình điện dân dụng, điện công nghiệp, lĩnh vực lắp đặt thiết bị công trình, xây dựng và hoàn thiện;
- Kiểm định công trình xây dựng;
- Xác định hiện trạng và đánh giá nguyên nhân sự cố công trình xây dựng.

**Hoạt động kinh doanh chính trong kỳ của Công ty:** Tư vấn, thiết kế các nhà máy thủy điện, nhiệt điện, phong điện, cơ sở hạ tầng và đường dây, trạm biến áp.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU B 09a-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch. Báo cáo tài chính giữa niên độ kỳ này được trình bày cho giai đoạn từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014.

**Các bên liên quan**

Các bên được xác định là bên liên quan của Công ty trong kỳ bao gồm:

- Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam: Góp vốn vào Công ty là 10.200.000.000 đồng, tương đương 51%, quan hệ dưới dạng công ty mẹ - công ty con;
- Công ty Cổ phần Dịch vụ kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam, Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na và Công ty Cổ phần Thủy điện Đakrinh: Là công ty quan hệ dưới dạng công ty mẹ - công ty con với Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam;
- Thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan lý đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Ghi nhận ban đầu**

*Tài sản tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác.

*Công nợ tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU B 09a-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Công cụ tài chính (Tiếp theo)**

***Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu***

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu. Theo đó, Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Dự phòng phải thu khó đòi**

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

Loại tài sản

Năm 2014  
(Số năm sử dụng)

Phương tiện vận tải

06 - 10

Thiết bị, dụng cụ quản lý

03 - 08

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị của Phần mềm máy tính và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính là 03 (ba) năm.

**Chi phí trả trước dài hạn**

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng 02 (hai) năm.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU B 09a-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí thực tế phát sinh không gây đột biến cho chi phí sản xuất, kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi sổ bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Chi phí phải trả trong kỳ là các chi phí trích trước cho công trình, dự án, bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí lương, chi phí sản xuất chung và chi phí thầu phụ.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trong kỳ, phần lớn việc ghi nhận doanh thu khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận. Doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

**Ghi nhận giá vốn**

Công ty ghi nhận chi phí giá vốn dựa vào dự toán chi phí tương ứng với phần khối lượng công việc hoàn thành được Công ty ban hành với từng công trình, dự án. Và dự toán này có thể được điều chỉnh, bổ sung hàng năm theo sự tác động của yếu tố thị trường và tình hình thực tế.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU B 09a-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Thuế (Tiếp theo)**

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có khoản lỗ lũy kế là 4.658.657.852 VND có thể được sử dụng để khấu trừ vào lợi nhuận trong tương lai (tối đa là 05 năm kể từ năm phát sinh lỗ). Tuy nhiên, Công ty chưa ghi nhận khoản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại cho khoản lỗ tính thuế trên do Công ty chưa chắc chắn được về kế hoạch lợi nhuận trong tương lai.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<u>30/06/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	VND	VND
Tiền mặt	35.643.227	14.412.782
Tiền gửi ngân hàng	84.919.307	1.677.526.794
	<u>120.562.534</u>	<u>1.691.939.576</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU B 09a-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**5. PHẢI THU THEO TIẾN ĐỘ KẾ HOẠCH HỢP ĐỒNG XÂY DỰNG**

	<u>30/06/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	VND	VND
Phải thu công trình cấm mốc giới hành lang bảo vệ hồ chứa Đakđrinh - HĐ 08/2013	4.273.602.391	3.819.110.594
Phải thu công trình Nậm Pàn (Tư vấn thiết kế) (i)	3.530.695.061	3.530.695.061
Phải thu công trình Nậm Pàn (Khảo sát) (i)	1.360.800.000	1.360.800.000
Phải thu HĐ 01/2013 - Công trình TT TĐC, TĐC Đakđrinh	2.771.003.907	2.771.003.907
Bãi Thái xi Thái Bình	2.058.242.048	-
Phải thu hợp đồng 14/2013 - NN Thái Bình	755.640.126	1.360.152.226
Phải thu công trình tam giác thủy công Đakđrinh	357.176.357	357.176.357
Phải thu công trình 110kv Đakđrinh	13.499.998	1.105.670.093
Phải thu các công trình khác	902.315.705	525.406.412
	<u>16.022.975.593</u>	<u>14.830.014.650</u>

**Ghi chú:** (i) Số dư các khoản doanh thu theo tiến độ kế hoạch đã được ghi nhận từ năm 2010 nhưng đến ngày 30/06/2014 chưa được thanh toán với số tiền là khoảng 4,89 tỷ đồng liên quan đến các khoản phải thu của công trình Nậm Pàn. Công ty sẽ xem xét việc trích lập dự phòng cho khoản phải thu này và hoàn nhập chi phí đã trích trước vào giá vốn tương ứng nếu trong năm tới không tiến hành nghiệm thu chính thức được với chủ đầu tư.

**6. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	<u>30/06/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	VND	VND
Phải thu về tạm ứng lương cho cán bộ nhân viên	1.039.462.171	-
Phải thu khác	20.096.358	18.406.049
	<u>1.059.558.529</u>	<u>18.406.049</u>

**7. HÀNG TỒN KHO**

	<u>30/06/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	VND	VND
<b>Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang theo công trình</b>		
Công trình Thủy điện Ngòi Hút	2.608.672.248	2.478.530.223
Công trình Nhiệt điện Thái Bình	1.230.539.063	1.177.598.518
Công trình Quảng Trạch	817.641.840	829.098.946
Công trình Thủy điện Nậm Chà 3	729.140.115	678.134.128
Công trình Thủy điện Đakđrinh	320.672.858	269.103.961
Công trình Phong Điện Hòa Thắng	647.143.762	647.143.762
Dự án Lọc hoá dầu Nghi Sơn	495.656.894	571.061.953
Công trình Thủy điện Nậm Pàn 5	362.465.779	362.465.779
Công trình NM Nhiệt điện Long Phú - Sông Hậu	122.921.752	115.441.930
Công trình Thủy điện Hòa Na	163.627.649	125.229.469
Các công trình khác	1.072.671.835	1.186.143.007
	<u>8.571.153.795</u>	<u>8.439.951.676</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU B 09a-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**8. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC**

Tài sản ngắn hạn khác tại ngày 30/06/2014 phản ánh giá trị của khoản tạm ứng phải thu của cán bộ công nhân viên với số tiền là 847.586.275 đồng (tại ngày 31/12/2013 là 671.884.856 đồng).

**9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Tại ngày 01/01/2014	3.062.558.100	62.860.350	3.125.418.450
Tại ngày 30/06/2014	3.062.558.100	62.860.350	3.125.418.450
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LUỸ KẾ</b>			
Tại ngày 01/01/2014	1.968.639.504	62.860.350	2.031.499.854
Khấu hao trong năm	91.159.879		91.159.879
Tại ngày 30/06/2014	2.059.799.383	62.860.350	2.122.659.733
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại ngày 01/01/2014	1.093.918.596	-	1.093.918.596
Tại ngày 30/06/2014	1.002.758.717	-	1.002.758.717

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2014 là 902.828.986 đồng.

**10. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	30/06/2014 VND	01/01/2014 VND
<b>Trích trước chi phí chi tiết theo công trình</b>		
Chi phí Công trình thủy điện Đakdrinh	2.777.841.553	2.482.421.885
Chi phí TVTKBVTTC công trình Nậm Pàn	1.357.375.566	1.357.375.566
Chi phí khảo sát công trình thủy điện Nậm Pàn 5	1.265.544.000	1.265.544.000
Chi phí công trình Bãi thải xi Thái Bình	862.952.899	-
Chi phí thuê B phụ KS 110kv Đakdrinh	345.013.348	442.484.836
Chi phí Dự án trang bị hệ thống CNTT PV Power	238.424.978	238.424.978
Chi phí Công trình thủy điện Ngòi Hút 2	121.902.227	317.907.859
Các công trình khác	617.050.408	998.901.217
	<b>7.586.104.979</b>	<b>7.103.060.341</b>

**11. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC**

	30/06/2014 VND	01/01/2014 VND
Kinh phí Công đoàn	16.467.735	17.495.243
Cổ tức phải trả cổ đông năm 2011	600.000.000	600.000.000
Chi phí thuê văn phòng	571.086.292	393.649.528
Phải trả, phải nộp khác	571.526.232	425.027.041
	<b>1.759.080.259</b>	<b>1.436.171.812</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU B 09a-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**12. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn điều lệ	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận/(Lỗ) sau thuế chưa phân phối	Tổng
	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 01/01/2013	20.000.000.000	146.866.588	(4.320.155.098)	15.826.711.490
Lợi nhuận trong năm	-	-	102.222.300	102.222.300
Số dư tại ngày 01/01/2014	20.000.000.000	146.866.588	(4.217.932.798)	15.928.933.790
Lỗ trong kỳ	-	-	(440.725.054)	(440.725.054)
Số dư tại ngày 30/06/2014	20.000.000.000	146.866.588	(4.658.657.852)	15.488.208.736

**Vốn điều lệ**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102403985 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 31/10/2007 và đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 17/06/2014, vốn điều lệ của Công ty là 20.000.000.000 đồng. Tại ngày 30/06/2014, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp như sau:

	Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh		Vốn đã góp tại 30/06/2014	
	VND	(%)	VND	(%)
Tổng Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Việt Nam	10.200.000.000	51	10.200.000.000	51
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2	3.739.000.000	18,7	3.739.000.000	18,7
Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý nguồn điện Việt Nam	660.000.000	3,3	660.000.000	3,3
Các cổ đông khác	5.401.000.000	27	5.401.000.000	27
	<b>20.000.000.000</b>	<b>100</b>	<b>20.000.000.000</b>	<b>100</b>

**Cổ phiếu**

	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
<b>Cổ phiếu phổ thông</b>		
+ Số cổ phiếu được phép phát hành	2.000.000	2.000.000
+ Số cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	2.000.000	2.000.000
+ Mệnh giá của cổ phiếu (đồng)	10.000	10.000
+ Số cổ phiếu đang lưu hành tại thời điểm cuối năm	2.000.000	2.000.000

**13. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ**

**Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Thời điểm hiện tại, lĩnh vực kinh doanh của Công ty tập trung vào dịch vụ tư vấn, thiết kế kỹ thuật, lập bản vẽ thi công,... của các công trình thủy điện. Không có các hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực khác, theo đó, Công ty không áp dụng lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU B 09a-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**13. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ (Tiếp theo)**

*Bộ phận theo khu vực địa lý*

Do sản phẩm của Công ty là dịch vụ và Công ty không hoạt động tại các địa điểm khác nhau, theo đó, Công ty không áp dụng lập Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

**14. DOANH THU THUẦN VỀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013
	VND	VND
Doanh thu hoạt động cung cấp dịch vụ	3.115.227.741	4.276.517.673
<b>Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ</b>	<b>3.115.227.741</b>	<b>4.276.517.673</b>

**15. GIÁ VỐN CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013
	VND	VND
Giá vốn hoạt động cung cấp dịch vụ	2.611.951.517	3.991.291.425
	<b>2.611.951.517</b>	<b>3.991.291.425</b>

**16. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	274.318.185	633.846.367
Chi phí nhân công	745.862.178	1.554.902.076
Chi phí khấu hao tài sản cố định	91.159.879	195.717.932
Chi phí dịch vụ mua ngoài	747.031.819	124.289.368
Chi phí khác	686.945.012	1.263.468.641
	<b>2.545.317.073</b>	<b>3.772.224.384</b>

**17. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013
	VND	VND
Lợi nhuận/(Lỗ) trước thuế	(440.725.054)	(1.129.768.704)
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	-	-
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>(440.725.054)</b>	<b>(1.129.768.704)</b>
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	25%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU B 09a-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**18. LÃI/(LỖ) CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013
	VND	VND
Lợi nhuận/(Lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(440.725.054)	(1.129.768.704)
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi trên cổ phiếu	2.000.000	2.000.000
Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	(220)	(565)
Mệnh giá cổ phiếu	10.000	10.000

**19. THÔNG TIN KHÁC**

Tại ngày 30/06/2014, một số công trình Công ty có tổng doanh thu còn lại chưa thực hiện theo hợp đồng khoảng 2,28 tỷ đồng đang thấp hơn chi phí phát sinh chưa kết chuyển tương ứng. Theo đánh giá của Ban giám đốc Công ty, một số công trình đang trong quá trình thương thảo và xác định các khối lượng phát sinh. Việc có được chấp nhận khối lượng công việc phát sinh hay không phụ thuộc vào kết quả đàm phán trong tương lai. Ban Giám đốc Công ty sẽ tiếp tục cập nhật và trình bày về vấn đề này trong báo cáo tài chính các kỳ tiếp theo.

**20. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

Thuê hoạt động là các khoản thuê văn phòng làm việc của Công ty. Chi phí thuê hoạt động đã ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh trong kỳ là 393.649.528 đồng.

Tại ngày 30/06/2014, Công ty có khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Trong vòng 1 năm	590.474.291	787.299.055
Từ năm thứ 2 đến năm thứ 5	-	196.824.764

**21. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

*Hệ số đòn bẩy tài chính*

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Các khoản vay	-	-
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	120.562.534	1.691.939.576
Nợ thuần	-	-
Vốn chủ sở hữu	15.488.208.736	15.928.933.790
<b>Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU B 09a-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**21. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.

Tài sản tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm tiền mặt, tiền gửi ở các tổ chức tín dụng, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản đầu tư tài chính ngắn và dài hạn khác. Công nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả và các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác.

**Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
<b>Tài sản</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	120.562.534	1.691.939.576
Các khoản phải thu ngắn hạn	21.040.484.138	18.435.196.210
<b>Tổng tài sản</b>	<b>21.161.046.672</b>	<b>20.127.135.786</b>
<b>Nợ phải trả</b>		
Phải trả người bán và phải trả khác	3.584.041.210	3.629.894.634
Chi phí phải trả	7.586.104.979	7.103.060.341
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>11.170.146.189</b>	<b>10.732.954.975</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU B 09a-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**21. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

***Rủi ro tín dụng***

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có khoản rủi ro tín dụng tập trung khá lớn từ khoản phải thu của công trình thủy điện Nậm Pàn 5 với giá trị 4.891.495.061 đồng phát sinh từ năm 2010.

***Quản lý rủi ro thanh khoản***

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trợ giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 30/06/2014</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	120.562.534	-	120.562.534
Phải thu khách hàng, phải thu khác	21.040.484.138	-	21.040.484.138
<b>Cộng tài sản tài chính</b>	<b>21.161.046.672</b>	<b>-</b>	<b>21.161.046.672</b>
<b>Tại ngày 30/06/2014</b>			
Phải trả người bán, phải trả khác	3.584.041.210	-	3.584.041.210
Chi phí phải trả	7.586.104.979	-	7.586.104.979
<b>Cộng nợ phải trả tài chính</b>	<b>11.170.146.189</b>	<b>-</b>	<b>11.170.146.189</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>9.990.900.483</b>	<b>-</b>	<b>9.990.900.483</b>
	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 01/01/2014</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.691.939.576	-	1.691.939.576
Phải thu khách hàng, phải thu khác	18.435.196.210	-	18.435.196.210
<b>Cộng</b>	<b>20.127.135.786</b>	<b>-</b>	<b>20.127.135.786</b>
<b>Tại ngày 01/01/2014</b>			
Phải trả người bán, phải trả khác	3.629.894.634	-	3.629.894.634
Chi phí phải trả	7.103.060.341	-	7.103.060.341
<b>Cộng</b>	<b>10.732.954.975</b>	<b>-</b>	<b>10.732.954.975</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>9.394.180.811</b>	<b>-</b>	<b>9.394.180.811</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU B 09a-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**21. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Do mức chênh lệch thanh khoản ròng của Công ty dương nên khả năng thanh khoản của Công ty là khá tốt. Tuy nhiên, mức chênh lệch thanh khoản ròng dương là do các khoản phải thu theo tiến độ hợp đồng xây dựng, trong đó có khoản phải thu của công trình thủy điện Nậm Pàn với giá trị 4.891.495.061 đồng phát sinh từ năm 2010. Để thực hiện giám sát rủi ro về thanh khoản, Ban Giám đốc Công ty luôn duy trì một lượng tiền mặt và các khoản trong đương tiền mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

**22. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ CHỦ YẾU VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

Danh sách các bên liên quan:

**Bên liên quan**

**Mối quan hệ**

Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam  
Công ty Cổ phần Thủy điện Đakdrinh  
Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na

Công ty mẹ  
Công ty con của Công ty mẹ  
Công ty con của Công ty mẹ

	<u>30/06/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	VND	VND
<b>Các khoản phải thu</b>		
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	-	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na	202.467.304	202.467.304
Công ty Cổ phần Thủy điện Đakdrinh	396.774.589	350.403.645
	<u>30/06/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	VND	VND
<b>Người mua trả tiền trước</b>		
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	156.584.938	156.584.938
Công ty Cổ phần Thủy điện Đakdrinh	3.538.326.581	1.918.115.441
<b>Thu nhập HĐQT và Ban Giám đốc:</b>		
	<u>Từ 01/01/2014</u>	<u>Từ 01/01/2013</u>
	<u>đến 30/06/2014</u>	<u>đến 30/06/2013</u>
	VND	VND
Lương, thu nhập khác	222.324.097	160.659.591

**23. SỰ KIỆN SAU NGÀY KHÓA SỔ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày khóa sổ đến thời điểm phát hành báo cáo này có ảnh hưởng trọng yếu và cần phải trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014 của Công ty.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU B 09a-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**24. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính năm 2013 đã được kiểm toán. Riêng báo cáo kết quả kinh doanh giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ, số liệu so sánh là số liệu phát sinh cùng kỳ 6 tháng đầu năm 2013 đã được soát xét.



Nguyễn Thu Hiền  
Người lập biểu



Nguyễn Thị Vân Dung  
Kế toán trưởng



Văn Xuân Anh  
Giám đốc

Hà Nội, ngày 11 tháng 08 năm 2014